**NGHỀ LÀM VƯỜN - ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ I**

**Câu 1. Mô hình vườn thiết kế theo hệ sinh thái VAC bao gồm:**

**A.** Ao cá, chuồng trại **B.** Vườn cây, ao cá

**C.** Vườn cây, ao cá, chuồng trại **D.** Vườn cây, chuồng trại

**Câu 2. Mô hình thiết kế vườn theo hệ sinh thái VACR bao gồm:**

**A.** Vườn cây, chuồng trại, ao cá **B.** Vườn cây, chuồng trại, ao cá, vườn rừng

**C.** Vườn rừng, ao cá **D.** Vườn cây, chuồng trại, ao cá, vườn ruộng

**Câu 3. Khi sử dụng thuốc hóa học BVTV phải lưu ý đến thời gian cách ly, tức là thời gian:**

**A.** Tính từ khi thu hoạch cho đến khi sử dụng sản phẩm

**B.** Tính từ lần phun thuốc cuối tới khi thu hoạch

**C.** Tính từ lần phun thuốc đầu cho đến khi sử dụng sản phẩm

**D.** Tính từ lần phun thuốc đầu tới khi thu hoạch

**Câu 4. Khi thiết kế có yêu cầu đảm bảo tính đa dạng sinh học trong vườn nhằm:**

**A.** Giúp nhiều loài cây trồng sống tốt **B.** Tận dụng hết khoảng không gian

**C.** Giúp cây phát triển tốt **D.** Tạo sự cân bằng sinh thái

**Câu 5. Mô hình VAC ở vùng nào sau đây, mương giữ vai trò của ao:**

**A.** Vùng đồng bằng Nam bộ **B.** Vùng đồng bằng Bắc bộ

**C.** Vùng trung du, miền núi **D.** Vùng ven biển

**Câu 6. Ở vùng sinh thái nào khi lập vườn phải vượt đất cao bằng cách đào mương, lên liếp:**

**A.** Vùng đồng bằng Nam bộ **B.** Vùng đồng bằng Bắc bộ

**C.** Vùng trung du, miền núi **D.** Vùng ven biển

**Câu 7. Vườn sản xuất vùng trung du, miền núi có đặc điểm nào sau đây:**

**A.** Đất rộng, dốc, dễ bị xói mòn, rửa trôi và đất nghèo dưỡng chất, chua

**B.** Đất rộng, dốc, dễ bị xói mòn, rửa trôi. Đất nghèo dưỡng chất, chua và nguồn nước tưới khó khăn

**C.** Đất rộng, dốc, dễ bị xói mòn, rửa trôi

**D.** Đất nghèo dưỡng chất, chua và nguồn nước tưới khó khăn

**Câu 8. Mô hình vườn đất xấu, rộng, dốc, dễ bị xói mòn, rửa trôi chủ yếu có ở:**

**A.** Vùng đồng bằng Nam bộ **B.** Vùng đồng bằng Bắc bộ

**C.** Vùng trung du, miền núi **D.** Vùng ven biển

**Câu 9. Mô hình sản xuất vườn ở trung du miền núi thường là vườn rừng vì:**

**A.** Ít người **B.** Đất xấu, dốc nhiều **C.** Đất tốt **D.** Có nhiều sông núi

**Câu 10. Mô hình vườn phù hợp đất phèn có nhiều ở:**

**A.** Đồng bằng Nam bộ **B.** Đồng bằng Trung – Trung bộ

**C.** Đồng bằng Bắc bộ **D.** Đồng bằng trung du, miền núi

**Câu 11. Mô hình vườn phù hợp với đặc điểm vùng nhiều sông rạch, mực nước ngầm cao, dễ bị úng là mô hình vườn có nhiều ở:**

**A.** Đồng bằng Nam bộ **B.** Đồng bằng Trung – Trung bộ

**C.** Đồng bằng Bắc bộ **D.** Đồng bằng trung du, miền núi

**Câu 12. Để ngăn chặn gió bão và cát bay, người ta thường dùng loại cây nào để trồng:**

**A.** Cây lá lớn **B.** Cây lá lớn, tán rộng **C.** Cây gỗ lớn **D.** Cây lá nhỏ, lá kim

**Câu 13. Đặc điểm của vườn sản xuất vùng trung du, miền núi:**

**A.** Thường có bão, gió mạnh làm di chuyển cát **B.** Thường bị nhiễm mặn, nhiễm phèn

**C.** Đất cát, mực nước ngầm cao **D.** Địa hình dốc, nghèo dinh dưỡng

**Câu 14. Khi làm vườn, khâu đầu tiên phải thực hiện là:**

**A.** Thiết kế vườn **B.** Chọn giống cây trồng

**C.** Cải tạo vườn cho sạch cỏ **D.** Trồng và chăm sóc cây giống con

**Câu 15. Mô hình vườn sản xuất ở đồng bằng Bắc bộ có đặc điểm gì?**

**A.** Đất cát **B.** Đất dốc **C.** Đấp hẹp **D.** Đất thấp

**Câu 16. Mô hình vườn sản xuất ở đồng bằng Nam bộ có đặc điểm gì?**

**A.** Đất cát **B.** Đất dốc **C.** Đấp hẹp **D.** Đất thấp

**Câu 17. Mô hình vườn sản xuất ở vùng ven biển có đặc điểm gì?**

**A.** Đất cát **B.** Đất dốc **C.** Đấp hẹp **D.** Đất thấp

**Câu 18. Vườn sản xuất ở đồng bằng Bắc bộ có đặc điểm nào sau đây?**

**A.** Đất dốc, dễ bị rữa trôi, nghèo chất dinh dưỡng

**B.** Đất thấp, dễ bị ngập úng, nắng hạn, nhiễm mặn, dễ bị rữa trôi, nghèo chất dinh dưỡng

**C.** Đất thấp, dễ bị ngập úng, nắng hạn, nhiễm mặn, nhiễm phèn

**D.** Đất hẹp, mực nước ngầm thấp, mùa hè nắng nóng, mùa đông lạnh giá

**Câu 19. Trong điều kiện Việt Nam, có mấy loại thiết kế mô hình vườn chính?**

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 20. Mô hình vườn rừng chủ yếu ở?**

**A.** Đồng bằng Bắc bộ **B.** Đồng bằng Nam Bộ

**C.** Trung du, miền núi **D.** Vùng ven biển

**Câu 21. Vùng sinh thái nào sau đây, vườn được bố trí trên đất thổ cư, liền kề nhà ở?**

**A.** Đồng bằng Bắc bộ **B.** Đồng bằng Nam Bộ

**C.** Trung du, miền núi **D.** Vùng ven biển

**Câu 22. Thiết kế vườn nhằm mục đích:**

**A.** Giúp cây trồng đề kháng cao với sâu, bệnh **B.** Tạo năng suất cao, ít chi phí

**C.** Giúp người làm vườn dễ thực hiện **D.** Khả thi, tính khoa học và bền vững

**Câu 23. Khi thiết kế vườn, chia ra nhiều khu vực, các khu vực này phải:**

**A.** Có liên quan với nhau **B.** Độc lập với nhau

**C.** Cùng kích thước **D.** Cùng diện tích

**Câu 24. Trong thiết kế vườn ở Việt Nam nên ưu tiên chọn:**

**A.** Cây bản địa có năng suất và chất lượng tốt

**B.** Cây nhập nội

**C.** Cây có năng suất cao

**D.** Cây quý hiếm

**Câu 25. Xác định hiện trạng, phân loại vườn tạp là:**

**A.** Xác định các yếu tố có liên quan **B.** Xác định nguyên nhân tạo nên vườn tạp

**C.** Xác định hướng đầu tư kinh doanh **D.** Xác định tình hình tiêu thụ sản phẩm

**Câu 26. Quy trình thực hiện cải tạo, tu bổ vườn tạp gồm các bước:**

**1. Xác định hiện trạng, phân loại vườn tạp**

**2. Mục đích cải tạo**

**3. Lập kế hoạch cải tạo vườn**

**4. Điều tra các yếu tố liên quan đến cải tạo vườn**

**Hãy sắp xếp cho đúng trình tự:**

**A.** 1 →2 →3 →4 **B.** 1 →2 →4 →3 **C.** 2 →1 →4 →3 **D.** 1 →3 →4 →2

**Câu 27. Quan sát mô hình vườn ở địa phương, người ta dựa vào đặc điểm nào?**

**A.** Địa điểm lập vườn

**B.** Cơ cấu cây trồng trong vườn

**C.** Nhu cầu thị trường của các cây trồng chính

**D.** Địa điểm lập vườn, cơ cấu cây trồng trong vườn, nhu cầu thị trường của các cây trồng chính

**Câu 28. Thực hiện quan sát địa điểm lập vườn ở địa phương, người ta dựa vào:**

**A.** Nguồn nước, tính chất, và diện tích từng khu của đất vườn

**B.** Địa hình, nguồn nước, tính chất và diện tích từng khu của đất vườn

**C.** Địa hình, nguồn nước và tính chất của đất vườn

**D.** Địa hình, tính chất và diện tích của từng khu đất vườn

**Câu 29. Thực hiện quy trình khảo sát, lập kế hoạch cải tạo, tu bổ một vườn tạp ở địa phương:**

**1. Xác định mục tiêu cải tạo vườn**

**2. Vẽ sơ đồ vườn tạp**

**3. Thiết kế sơ đồ vườn sau cải tạo**

**4. Nhận xét, đánh giá chỉ ra những tồn tại cần cải tạo của vườn**

**5. Dự kiến giống cây trồng trong vườn**

**6. Lên kế hoạch cải tạo cho từng giai đoạn**

**7. Dự kiến cải tạo vườn**

**Hãy sắp xếp thứ tự cho đúng quy trình:**

**A.** 1 →4 →2 →3 →5 →6 →7 **B.** 1 →4 →3 →2 →5 →6 →7

**C.** 1 →2 →3 →4 →5 →6 →7 **D.** 1 →4 →2 →3 →5 →7 →6

**Câu 30. Trong thiết kế vườn ươm, khu nhân giống cần bố trí nhà ươm:**

**A.** Có mái che bằng lưới polietilen (PE) phản quang để bảo vệ, chăm sóc cây con giống

**B.** Có mái che bằng những tấm vải nhựa để bảo vệ, chăm sóc cây con giống

**C.** Không có mái che để bảo vệ và chăm sóc cây con giống

**D.** Có mái che bằng tôn kim loại thật tốt để bảo vệ, chăm sóc cây con giống

**Câu 31. Vườn ươm cây giống loại đất phù hợp là:**

**A.** Đất thịt nặng, có độ pH= 5 – 7

**B.** Đất cát pha, đất thịt nặng, đất sét

**C.** Đất có kết cấu tốt, tầng đất dày, có khả năng thoát nước và giữ nước tốt

**D.** Đất cát pha có nhiều sét, mực nước ngầm sâu (0,8 – 1m)

**Câu 32. Loại đất phù hợp với vườn ươm cây giống là:**

**A.** Đất có kết cấu tốt, tầng đất dày, có khả năng thoát nước và giữ nước tốt

**B.** Đất cát pha, đất thịt nặng, đất sét

**C.** Đất thịt nặng, mực nước ngầm sâu

**D.** Đất cát pha có nhiều sét, mực nước ngầm sâu

**Câu 33. Trong thiết kế vườn ươm, khu luân canh là khu dành cho việc trồng rau, trồng cây họ đậu nhằm mục đích:**

**A.** Cải tạo, duy trì độ ẩm trong đai phòng hộ, chắn gió cho vườn

**B.** Để chống xói mòn, rửa trôi bề mặt đất trồng

**C.** Cải tạo, nâng cao độ phì của đất cho việc đổi vị trí với khu nhân giống

**D.** Cải tạo, nâng cao độ phì của đất cho việc nâng cao sản xuất cải thiện đời sống

**Câu 34. Địa điểm lập vườn ươm phù hợp là:**

**A.** Gần đường giao thông và gần khu nhà ở

**B.** Gần đường giao thông, gần vườn sản xuất và gần khu nhà ở

**C.** Gần đường giao thông, gần vườn sản xuất và xa khu nhà ở

**D.** Gần đường giao thông, xa vườn sản xuất và khu nhà ở

**Câu 35. Đặc điểm phù hợp để chọn đất làm vườn ươm:**

**A.** Đất có mực nước ngầm sâu (0,8 – 1m), địa hình bằng phẳng, có đai rừng chắn gió

**B.** Đất cát pha, đất sét, đất có độ pH= 5 – 7, mực nước ngầm sâu (0,8 – 1m)

**C.** Đất có độ pH= 5 – 7, mực nước ngầm sâu (0,8 – 1m), địa hình bằng phẳng hoặc hơi dốc (3 – 40), có đai rừng chắn gió

**D.** Đất cát pha, đất thịt nặng, đất có độ pH= 5 – 7, địa hình bằng phẳng, có đai rừng chắn gió

**Câu 36. Phương pháp nhân giống bằng hạt chỉ sử dụng trong trường hợp nào sau đây:**

**A.** Gieo hạt để lai tạo giống, phục tráng giống và những giống chưa có phương pháp nhân giống nào tốt hơn

**B.** Gieo hạt để lai tạo giống, phục tráng giống, gieo hạt để sản xuất cây làm gốc ghép

**C.** Gieo hạt để lai tạo giống, phục tráng giống, gieo hạt để sản xuất cây làm gốc ghép và những giống chưa có phương pháp nhân giống nào tốt hơn

**D.** Gieo hạt để sản xuất cây làm gốc ghép và những giống chưa có phương pháp nhân giống nào tốt hơn

**Câu 37. Điều kiện nào sau đây không đúng với phương pháp nhân giống bằng hạt?**

**A.** Cây lâu cho hoa, quả vì phải trở lại giai đoạn phát dục non trẻ từ đầu

**B.** Hệ số nhân giống cao, sớm cho cây trồng

**C.** Cây trồng phân cành thấp, tán cân đối, thuận lợi cho chăm sóc và thu hoạch

**D.** Cây giống có thể phát sinh nhiều biến dị do thụ phấn chéo khác loài, khác giống

**Câu 38. Biện pháp xử lý hạt giống có đặc tính sinh lý chậm trước khi gieo là:**

**A.** Xử lý ở nhiệt độ thấp (50C) **B.** Phơi nắng nhiều ngày

**C.** Ngâm nước nóng (3 sôi, 2 lạnh) **D.** Đập nứt lớp vỏ cứng

**Câu 39. Gieo hạt trong bầu đất phải sử dụng túi PE màu gì mới cho kết quả tốt:**

**A.** Màu đen **B.** Màu đỏ **C.** Màu xanh **D.** Màu trắng

**Câu 40. Phương pháp nào sau đây là nhân giống hữu tính:**

**A.** Nhân giống bằng hạt **B.** Nhân giống bằng chiết cành

**C.** Nhân giống bằng ghép cành **D.** Nuôi cấy mô tế bào

**Câu 41. Biện pháp xử lý những hạt có lớp vỏ cứng trước khi đem gieo:**

**A.** Xử lý bằng hóa chất, ngâm nước

**B.** Đập nứt lớp vỏ cứng, xử lý bằng hóa chất, ngâm nước

**C.** Đập nứt lớp vỏ cứng, xử lý bằng hóa chất

**D.** Đập nứt lớp vỏ cứng, ngâm nước

**Câu 42. Đặc điểm nào sau đây là ưu điểm của phương pháp nhân giống bằng hạt:**

**A.** Cây lâu cho ra hoa, quả

**B.** Tuổi thọ của vườn cây cao vì có rễ cọc ăn sâu

**C.** Cành mọc cao, lộn xộn, khó chăm sóc thu hoạch

**D.** Không giữ được đặc tính của cây mẹ

**Câu 43. Phương pháp nhân giống nào sau đây cho ra cây con sinh trưởng khỏe, bộ rễ ăn sâu, tuổi thọ cao, có khả năng thích ứng rộng với điều kiện ngoại cảnh:**

**A.** Phương pháp giâm cành **B.** Phương pháp chiết cành

**C.** Nhân giống bằng hạt **D.** Phương pháp ghép cành

**Câu 44. Cây giống khó giữ được những đặc tính, hình thái, năng suất và chất lượng giống ban đầu, là nhược điểm của phương pháp nhân giống:**

**A.** Chiết cành **B.** Bằng hạt **C.** Giâm cành **D.** Ghép mắt, cành

**Câu 45. Ưu điểm của phương pháp giâm cành:**

**A.** Cây con giữ được các đặc tính, tính trạng của cây mẹ và sớm ra hoa, kết trái

**B.** Hệ số nhân giống cao và sớm ra hoa, kết trái

**C.** Cây con giữ được các đặc tính, tính trạng của cây mẹ và sớm ra hoa, kết trái và hệ số nhân giống cao

**D.** Cây con giữ được các đặc tính, tính trạng của cây mẹ và hệ số nhân giống cao

**Câu 46. Để nâng cao tỷ lệ ra rễ của cành giâm, phải cần yếu tố kỹ thuật:**

**A.** Chuẩn bị giá thể, xử lý cành, cắm cành và chăm sóc sau khi giâm

**B.** Chuẩn bị giá thể, chọn cành, kỹ thuật cắt cành, xử lý cành và cắm cành

**C.** Chọn cành, kỹ thuật cắt cành, xử lý cành, cắm cành và chăm sóc sau khi giâm

**D.** Chuẩn bị giá thể, chọn cành, kỹ thuật cắt cành, xử lý cành, cắm cành và chăm sóc sau khi giâm

**Câu 47. Những loại cây nào sau đây thường áp dụng phương pháp giâm cành:**

**A.** Mãng cầu, cóc, ổi, chôm chôm

**B.** Vải thiều, mơ, mận, táo, đào

**C.** Rau ngót, mía, chè, cà phê, chanh, dâu tằm, hoa dâm bụt, hoa sứ

**D.** Rau muống, chanh, xoài, nhãn, khế

**Câu 48. Yếu tố chính ảnh hưởng đến sự ra rễ của cành giâm:**

**A.** Yếu tố kỹ thuật **B.** Yếu tố con người **C.** Yếu tố nội tại **D.** Yếu tố ngoại cảnh

**Câu 49. Nhược điểm nào sau đây là của phương pháp giâm cành:**

**A.** Không giữ được đặc tính tốt của cây mẹ

**B.** Qua nhiều thế hệ nếu không thay đổi cây mẹ dễ dẫn đến hiện tượng già hóa

**C.** Dễ phát sinh nhiều biến dị

**D.** Lâu ra hoa, quả

**Câu 50. Độ ẩm thích hợp cho bầu chiết là:**

**A.** 70 – 80% **B.** 40 – 65% **C.** 50 – 60% **D.** 60 – 65%

**Câu 51. Loại cây nào sau đây dễ ra rễ khi chiết cành:**

**A.** Táo, hồng đào **B.** Chanh, cam, táo, hồng đào

**C.** Na, mít, xoài **D.** Chanh, cam, quýt, bưởi

**Câu 52. Các giống cây nào sau đây rất khó cho ra rễ khi chiết cành:**

**A.** Táo, bưởi **B.** Bưởi, xoài **C.** Mận, ổi **D.** Táo, hồng

**Câu 53. Phương pháp nhân giống nào có hệ số nhân giống thấp:**

**A.** Ghép cành **B.** Giâm cành **C.** Bằng hạt **D.** Chiết cành

**Câu 54. Từ khi chiết đến khi có cây giống để trồng, cần khoảng thời gian:**

**A.** Từ 1 đến 2 năm **B.** Từ 6 đến 12 tháng **C.** Từ 3 đến 6 tháng **D.** Từ 1 đến 2 tháng

**Câu 55. Điều nào sau đây là không đúng đối với phương pháp chiết cành:**

**A.** Cây sớm ra hoa, tạo quả

**B.** Hệ số nhân giống thấp

**C.** Giữ được đặc tính, tính trạng tốt của cây mẹ

**D.** Tuổi thọ vườn cây cao vì có rễ cọc ăn sâu

**Câu 56. Chọn cành để chiết phải đạt những yêu cầu sau đây:**

**A.** Có lá xanh tốt, không có mầm sâu bệnh, có đường kính từ 0,5 – 1,5cm, dài từ 50 – 60cm trở lên.

**B.** Cành bánh tẻ, không được thời kỳ mang hoa, quả, có lá xanh tốt, không có mầm sâu bệnh.

**C.** Cành bánh tẻ, không được thời kỳ mang hoa, quả, có đường kính từ 0,5 – 1,5cm, dài từ 50 – 60cm trở lên.

**D.** Cành bánh tẻ, không được thời kỳ mang hoa, quả, có lá xanh tốt, không có mầm sâu bệnh, có đường kính từ 0,5 – 1,5cm, dài từ 50 – 60cm trở lên.

**Câu 57. Tại sao độ ẩm của bầu chiết không quá cao hoặc quá thấp:**

**A.** Độ ẩm quá cao làm cho lõi gỗ trên vết khoanh thâm đen, độ ẩm thấp kém ra rễ.

**B.** Độ ẩm quá cao hay quá thấp làm cho lõi gỗ trên vết khoanh thâm đen.

**C.** Độ ẩm quá cao hay quá thấp làm cho kém ra rễ.

**D.** Độ ẩm quá cao làm cho kém ra rễ.

**Câu 58. Tại sao không dùng đất sét, đất cát làm chất độn bầu:**

**A.** Dễ bị ẩm… nên không dùng **B.** Dễ bị khô, chai cứng… nên không dùng

**C.** Dễ bị chai cứng… nên không dùng **D**. Dễ bị khô nên không dùng

**Câu 59. Chọn cành chiết, có đường kính gốc cành bằng:**

**A.** 2,5 – 3,5cm **B.** 2,0 – 2,5cm **C.** 0,5 – 1,5cm **D.** 2,0 – 3,0cm

**Câu 60. Cần bôi chất kích thích ra rễ vào vết cắt khoanh vỏ cành chiết:**

**A.** Kích thích chậm ra rễ **B.** Phân hủy độc tố

**C.** Tăng cường dưỡng chất **D.** Kích thích cho ra rễ nhanh

**Câu 61. Khoanh vỏ cành chiết:**

**A.** Dùng dao khoanh 1 vòng với chiều dài bằng 1,5 – 2 lần đường kính của cành.

**B.** Dùng dao khoanh 2 vòng với chiều dài bằng 1,5 – 2 lần đường kính của cành

**C.** Dùng dao khoanh 2 vòng với chiều dài bằng 2,5 – 3 lần đường kính của cành.

**D.** Dùng dao khoanh 2 vòng với chiều dài bằng 0,5 – 1 lần đường kính của cành.

**Câu 62. Muốn ghép cây đạt tỷ lệ sống cao thì chất lượng cây gốc ghép phải thỏa mãn điều kiện:**

**A.** Sinh trưởng khỏe, chất lượng tốt

**B.** Sinh trưởng khỏe, có nhiều cành bánh tẻ

**C.** Sinh trưởng khỏe, nhiều nhựa, tượng tầng hoạt động mạnh, dễ bóc vỏ

**D.** Sinh trưởng khỏe, dễ nảy mầm

**Câu 63. Ưu điểm chính của phương pháp ghép:**

**A.** Hệ số nhân giống cao **B.** Mau ra trái

**C.** Thích nghi và chống chịu cao **D.** Cho năng suất cao

**Câu 64. Muốn đạt tỷ lệ ghép sống cao đòi hỏi yếu tố nào sau đây:**

**A.** Mắt ghép và cây gốc ghép phải có quan hệ họ hàng gần, cành ghép mắt ghép phải là cành bánh tẻ.

**B.** Mắt ghép và cây gốc ghép phải có quan hệ họ hàng gần. Cây gốc ghép phải sinh trưởng khỏe, cành ghép mắt ghép phải là cành bánh tẻ.

**C.** Mắt ghép và cây gốc ghép phải có quan hệ họ hàng gần. Cây gốc ghép phải sinh trưởng khỏe.

**D.** Cây gốc ghép phải sinh trưởng khỏe, cành ghép mắt ghép phải là cành bánh tẻ.

**Câu 65. Cây giống được tạo bằng phương pháp ghép có ưu điểm nào sau đây:**

**A.** Cây sinh trưởng phát triển tốt nhờ tính thích nghi chống chịu của cây gốc ghép và sớm ra hoa kết trái

**B.** Cây giữ được các đặc tính tốt của cây mẹ, cây sinh trưởng phát triển tốt nhờ tính thích nghi chống chịu của cây gốc ghép.

**C.** Cây giữ được các đặc tính tốt của cây mẹ, cây sinh trưởng phát triển tốt nhờ tính thích nghi chống chịu của cây gốc ghép và sớm ra hoa, kết trái.

**D.** Cây giữ được các đặc tính tốt của cây mẹ và sớm ra hoa, kết trái.

**Câu 66. Cây làm gốc ghép thường được chọn từ:**

**A.** Cây trồng từ hạt **B.** Cây quý hiếm **C.** Cây giống tốt **D.** Cây khó thích nghi

**Câu 67. Ghép là phương pháp nhân giống bằng cách:**

**A.** Lấy một bộ phận của cây giống này gắn lên một cây giống khác

**B.** Tách một đoạn cành từ cây mẹ cắm vào giá thể

**C.** Lấy hạt giống gieo vào bầu đất

**D.** Sử dụng cành dinh dưỡng trên cây, dùng biện pháp kỹ thuật kích thích ra rễ

**Câu 68. Phương pháp chắn rễ là phương pháp nhân giống:**

**A.** Vô tính cổ truyền **B.** Nuôi cấy mô và sinh sản hữu tính

**C.** Nuôi cấy mô hiện đại **D.** Hữu tính tự nhiên

**Câu 69. Phương pháp chắn rễ thường được sử dụng dễ dàng trong nhân giống:**

**A.** Dứa, chuối, đào, mơ, mận **B.** Hồng, chuối, đào, mơ, mận

**C.** Hồng, dứa, đào, mơ, mận **D.** Hồng, táo, đào, mơ, mận

**Câu 70. Trong phương pháp chắn rễ, đặt hom rễ vào đất hoặc bầu:**

**A.** Chếch một góc 900, đầu rễ gần thân đặt hướng lên trên, để đầu trên dài 6 – 8cm.

**B.** Chếch một góc 450, đầu rễ gần thân đặt hướng lên trên, để đầu trên dài 6 – 8cm

**C.** Chếch một góc 450, đầu rễ gần thân đặt hướng xuống đất và để đầu trên dài 4 – 5cm

**D.** Chếch một góc 450, đầu rễ gần thân đặt hướng lên trên, lắp chặt đất và để đầu trên dài 4 – 5cm

**Câu 71. Ưu điểm của phương pháp tách chồi:**

**A.** Giữ được đặc tính di truyền của cây mẹ, tỷ lệ trồng sống cao.

**B.** Giữ được đặc tính di truyền của cây mẹ, sớm ra hoa kết quả và hệ số nhân giống cao.

**C.** Giữ được đặc tính di truyền của cây mẹ, sớm ra hoa kết quả và tỷ lệ trồng sống cao.

**D.** Sớm ra hoa kết quả và hệ số nhân giống cao.

**Câu 72. Nhược điểm chủ yếu của phương pháp tách chồi:**

**A.** Cây con không đồng đều, hệ số nhân giống thấp.

**B.** Cây con không đồng đều, dễ bị sâu, bệnh và hệ số nhân giống thấp.

**C.** Dễ bị sâu, bệnh và hệ số nhân giống thấp.

**D.** Cây con không đồng đều, dễ bị sâu, bệnh và tỷ lệ trồng sống cao.

**Câu 73. Nuôi cấy mô ở cây dứa có điều kiện nhiệt độ và ánh sáng:**

**A.** Nhiệt độ 22 – 250C và ánh sáng đèn huỳnh quang với chu kỳ 20 – 24 giờ/ngày.

**B.** Nhiệt độ 18 – 200C và ánh sáng đèn huỳnh quang với chu kỳ 16 – 18 giờ/ngày.

**C.** Nhiệt độ 22 – 250C và ánh sáng đèn huỳnh quang với chu kỳ 16 – 18 giờ/ngày.

**D.** Nhiệt độ 32 – 350C và ánh sáng đèn huỳnh quang với chu kỳ 12 – 14 giờ/ngày.

**Câu 74. Nhược điểm của phương pháp nuôi cấy mô tế bào:**

**A.** Một số loại cây dễ phát sinh biến dị và hệ số nhân giống thấp.

**B.** Một số loại cây dễ phát sinh biến dị và giá thành cây giống còn cao.

**C.** Sau nhiều thế hệ nhân giống suy thoái, dễ nhiễm bệnh và hệ số nhân giống thấp.

**D.** Một số loại cây dễ phát sinh biến dị và sau nhiều thế hệ nhân giống suy thoái, dễ nhiễm bệnh.

**Câu 75. Hãy sắp xếp đúng các bước của quy trình kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào:**

**1. Chọn mẫu dùng nuôi cấy mô 2. Tái tạo chồi**

**3. Tái tạo rễ (tạo cây hoàn chỉnh) 4. Khử trùng**

**5. Cấy cây trong môi trường thích ứng 6. Trồng cây trong vườn ươm**

**A.** 1→ 2→ 3→ 4→ 5→ 6. **B.** 1→ 2→ 3→ 5→ 4→ 6.

**C.** 1→ 4→ 2→ 3→ 5→ 6. **D.** 1→ 2→ 4→ 3→ 5→ 6.

**Câu 76. Trong kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào, người ta thường chọn mô để cấy ở:**

**A.** Rễ **B.** Hoa **C.** Lá **D.** Đỉnh chồi

**Câu 77. Ưu điểm của phương pháp nuôi cấy mô tế bào:**

**A.** Hệ số nhân giống vô tính rất cao, cây sạch bệnh và mang tính kinh tế của cây mẹ.

**B.** Cây sạch bệnh và độ đồng đều cao với đặc tính kinh tế của cây mẹ.

**C.** Độ đồng đều cao với đặc tính kinh tế của cây mẹ.

**D.** Hệ số nhân giống vô tính rất cao, cây sạch bệnh độ đồng đều cao với đặc tính kinh tế của cây mẹ.

**Câu 78. Nuôi cấy mô tế bào là phương pháp nhân giống:**

**A.** Theo cách cấy và chuyển gen **B.** Vô tính cổ truyền

**C.** Hữu tính **D.** Vô tính hiện đại

**Câu 79. Trong quy trình thực hành gieo hạt trong bầu, sau khi gieo hạt vào bầu, yêu cầu:**

A. Phủ đều 1 lớp mùn cưa (hay lớp trấu)

**B.** Dùng tay nén nhẹ lớp đất, phủ đều 1 lớp mùn cưa (hay lớp trấu) rồi tưới ẩm

**C.** Dùng tay nén nhẹ lớp đất, phủ đều 1 lớp mùn cưa (hay lớp trấu)

**D.** Dùng tay nén nhẹ lớp đất

**Câu 80. Trong quy trình thực hành gieo hạt trong bầu, bước xếp bầu vào luống:**

**A.** Không cần có mái che

**B.** Cần có mái che nắng tạm thời bằng lưới PE phản quang

**C.** Chỉ cần che gió bằng tôn (kim loại)

**D.** Cần có mái che tạm thời bằng tôn hoặc gỗ cứng

**Câu 81. Hãy sắp xếp các bước của quy trình thực hành gieo hạt trong bầu:**

**1. Làm bầu dinh dưỡng**

**2. Trộn hỗn hợp giá thể**

**3. Xử lý hạt giống trước khi gieo**

**4. Gieo hạt vào bầu**

**5. Xếp bầu vào luống**

**Hãy sắp xếp cho đúng quy trình thực hành:**

**A.** 2→ 1→ 5→ 3→ 4 **B.** 1→ 2→ 3→ 4→ 5

**C.** 1→ 2→ 3→ 5→ 4 **D.** 1→ 2→ 5→ 4→ 3

**Câu 82. Hãy sắp xếp các giai đoạn của xử lý hạt giống trước khi gieo hạt trong bầu:**

**1. Ngâm hạt trong thuốc sát trùng**

**2. Rửa hạt**

**3. Ngâm hạt trong nước nóng**

**4. Rửa lại hạt**

**5. Ủ hạt**

**A.** (1) ⭢ (2) ⭢ (3) ⭢ (4) ⭢ (5) **B.** (1) ⭢ (2) ⭢ (4) ⭢ (5) ⭢ (3)

**C.** (1) ⭢ (2) ⭢ (4) ⭢ (3) ⭢ (5) **D.** (2) ⭢ (1) ⭢ (4) ⭢ (3) ⭢ (5)

**Câu 83. Trong quy trình thực hành gieo hạt trong bầu, bước xử lý hạt giống trước khi gieo:**

**A.** Ngâm hạt trong nước bình thường, khoảng (20 – 30) phút

**B.** Ngâm hạt trong nước nóng 750C, khoảng (20 – 30) phút

**C.** Ngâm hạt trong nước nóng (3 sôi + 2 lạnh), khoảng (20 – 30) phút

**D.** Ngâm hạt trong nước nóng (3 sôi + 2 lạnh), khoảng 1 ngày

**Câu 84. Trong quy trình thực hành giâm cành, hom giâm:**

**A.** Dài 5 – 10 cm tùy theo giống, trên đoạn hom có 2 – 4 lá. Nếu lá to thì cắt bỏ đi.

**B.** Dài 5 – 10 cm tùy theo giống, trên đoạn hom có 2 – 4 lá. Nếu lá to thì cắt bỏ đi 1/2 phiến lá

**C.** Dài 15 – 20 cm tùy theo giống, trên đoạn hom có 1 – 2 lá. Nếu lá to thì cắt bỏ đi.

**D.** Dài 15 – 20 cm tùy theo giống, trên đoạn hom có 1 – 2 lá. Nếu lá to thì cắt bỏ đi 1/2 phiến lá

**Câu 85. Trong quy trình thực hành giâm cành, cắm hom giâm vào luống sau khi xử lý bằng chế phẩm kích thích ra rễ:**

**A.** Hom cách hom (4 – 5) cm, cắm nghiêng 450, độ sâu 4 cm và nén chặt gốc hom giâm.

**B.** Hom cách hom (4 – 5) cm, cắm nghiêng 900, độ sâu 8 cm và nén chặt gốc hom giâm.

**C.** Hom cách hom (10 – 15) cm, cắm nghiêng 900, độ sâu 8 cm và nén chặt gốc hom giâm.

**D.** Hom cách hom (4 – 5) cm, cắm nghiêng 900, độ sâu 4 cm và nén chặt gốc hom giâm.

**Câu 86. Trong quy trình thực hành giâm cành, cắm hom giâm vào luống xong, những ngày đầu:**

**A.** Hom đã ra rễ, phải để ngập nước thường xuyên đảm bảo mặt lá căng, không được héo.

**B.** Hom chưa ra rễ, phun nước ngày cách ngày để đảm bảo lá không héo.

**C.** Hom đã ra rễ, phun nước 2 ngày một lần.

**D.** Hom chưa ra rễ, phải phun nước thường xuyên, đảm bảo mặt lá căng, không được héo.

**Câu 87. Hãy sắp xếp các bước của quy trình kỹ thuật giâm cành:**

**1. Chuẩn bị nền giâm 2. Xử lý hom giâm 3. Chọn cành để cắt hom giâm**

**4. Cắm hom vào luống (bầu) 5. Phun nước tưới ẩm**

**A.** 1→ 2→ 3→ 4→ 5 **B.** 4→ 2→ 3→ 1→ 5

**C.** 1→ 3→ 2→ 4→ 5 **D.** 2→ 3→ 1→ 4→ 5

**Câu 88. Quy trình thực hành giâm cành, làm luống giâm:**

**A.** Rộng 60 – 80cm, chiều cao luống 20cm, chiều dài luống 5m

**B.** Rộng 60 – 80cm, chiều cao luống 40cm, chiều dài luống tùy theo vườn

**C.** Rộng 60 – 80cm, chiều cao luống 20cm, chiều dài luống tùy theo vườn

**D.** Rộng 80 – 100cm, chiều cao luống 40cm, chiều dài luống tùy theo vườn

**Câu 89. Trong quy trình thực hành giâm cành, xử lý hom giâm bằng chế phẩm kích thích ra rễ:**

**A.** Là dung dịch đã pha, nhúng ngập 1 – 2cm gốc cành

**B.** Là dung dịch đã pha, nhúng ngập 1 – 2cm gốc cành. Thời gian nhúng 5 – 10 giây

**C.** Là dung dịch đã pha. Thời gian nhúng 15 – 20 giây

**D.** Là dung dịch đã pha, nhúng ngập 2 – 5cm gốc cành. Thời gian nhúng 15 – 20 giây

**Câu 90. Điều kiện cần thiết cho nền giâm cành:**

**A.** Nhà ươm có 1 phần mái che kín và 1 phần để ánh sáng trực xạ

**B.** Trong nhà ươm có đầy đủ ánh sáng trực xạ

**C.** Trong nhà ươm có mái che kín

**D.** Trong nhà ươm có mái che thoáng hoặc che lưới PE phản quang để tránh ánh sáng trực xạ.

**Câu 91. Hãy sắp xếp thứ tự các bước của quy trình thực hành chiết cành:**

**1. Chọn cành chiết 2. Chuẩn bị giá thể của bầu chiết**

**3. Khoanh vỏ cành chiết 4. Bó bầu**

**A.** 2 → 1 → 4 → 3 **B.** 1 → 2 → 3 → 4 **C.** 2 → 1 → 3 → 4 **D.** 1 → 3 → 2 → 4

**Câu 92. Trộn hỗn hợp bó bầu theo tỷ lệ nào?**

**A.** 1/3 đất với 2/3 mùn **B.** 2/3 đất với 1/3 mùn

**C.** 2/3 đất với 1/3 chất kích thích **D.** 3/4 đất với 1/4 mùn

**Câu 93. Các bước chiết cành theo yêu cầu kỹ thuật là:**

**A.** Chọn cành chiết ⭢ Cắt cành chiết ⭢ Khoanh vỏ ⭢ Trộn hỗn hợp bó bầu ⭢ Bó bầu

**B.** Chọn cành chiết ⭢ Cắt cành chiết ⭢ Trộn hỗn hợp bó bầu ⭢ Khoanh vỏ ⭢ Bó bầu

**C.** Chọn cành chiết ⭢ Khoanh vỏ ⭢ Trộn hỗn hợp bó bầu ⭢ Bó bầu ⭢ Cắt cành chiết

**D.** Chọn cành chiết ⭢ Xử lý cành chiết ⭢ Khoanh vỏ ⭢ Bó bầu

**Câu 94. Chiều dài vết khoanh vỏ trong kỹ thuật chiết cành:**

**A.** Bằng 1/2 đường kính cành **B.** Bằng đường kính cành

**C.** Bằng 1,5 ⭢ 2 lần đường kính cành **D.** Bằng 3 lần đường kính cành

**Câu 95. Trong chiết cành, khi bó bầu cần sử dụng túi PE màu gì mới cho kết quả tốt?**

**A.** Màu trắng **B.** Màu đen **C.** Màu xanh **D.** Màu đỏ

**Câu 96. Điều nào không đúng trong kỹ thuật chiết cành?**

**A.** Bó chặt, đảm bảo bầu không bị xoay

**B.** Cạo hết lớp tượng tầng còn dính trên lõi gỗ

**C.** Chiều dài khoanh vỏ gấp 5 lần đường kính cành chiết

**D.** Đặt vết khoanh vào tâm bầu chiết

**Câu 97. Trong quy trình thực hành ghép mắt cửa sổ, trên gốc ghép cách mặt đất 15 – 20 cm, dùng mũi dao rạch 2 đường thẳng song song cách nhau:**

**A.** 2cm, dài 4cm **B.** 0,5cm, dài 2,5cm

**C.** 2,5cm, dài 3,5cm **D.** 1cm, dài 2cm

**Câu 98. Trong quy trình thực hành ghép mắt cửa sổ, cành để ghép cửa sổ có đường kính:**

**A.** 6 – 10mm **B.** 12 – 15mm **C.** 2 – 4mm **D.** 15 – 20mm

**Câu 99. Quy trình thực hành ghép mắt cửa sổ:**

**1. Chọn cành để lấy mắt ghép 2. Lấy mắt ghép 3. Mở gốc ghép**

**4. Buộc dây 5. Đặt mắt ghép**

**Hãy sắp xếp cho đúng quy trình thực hành:**

**A.** 1 → 3→ 2→ 5→ 4 **B.** 2 → 1→ 3→ 5→ 4

**C.** 1 → 2→ 3→ 4→ 5 **D.** 1 → 2→ 3→ 5→ 4

**Câu 100. Các giống cây ăn quả trong vườn khi thực hành ghép mắt cửa sổ thì tượng tầng mắt ghép và vết ghép áp sát vào nhau với yêu cầu buộc dây nilong:**

**A.** Buộc trùm kín hết mắt ghép, buộc từ trên xuống

**B.** Buộc chặt, trùm kín hết mắt ghép, buộc từ trên xuống

**C.** Buộc chặt, đều, buộc từ dưới lên

**D.** Buộc chặt, đều, trùm kín hết mắt ghép, buộc từ dưới lên

**Câu 101. Các bước của quy trình ghép mắt chữ T là:**

**A.** 5 bước **B.** 3 bước **C.** 6 bước **D.** 4 bước

**Câu 102. Trong quy trình thực hành ghép mắt chữ T, với yêu cầu chọn cành là:**

**A.** Cành lớn (1 năm tuổi), còn đầy đủ lá, phơi ra ngoài ánh sáng

**B.** Cành bánh tẻ, còn đầy đủ lá, nằm giữa tầng tán, phơi ra ngoài ánh sáng

**C.** Cành bánh tẻ, còn đầy đủ lá, nằm trong tầng tán lá

**D.** Cành bánh tẻ, không còn lá, nằm trong tầng tán

**Câu 103. Các bước của quy trình thực hành ghép mắt nhỏ có gỗ là:**

**A.** 5 bước **B.** 6 bước **C.** 3 bước **D.** 4 bước

**Câu 104. Trong quy trình thực hành ghép mắt nhỏ có gỗ, với yêu cầu buộc dây nilong như thế nào?**

**A.** Buộc chặt, đều tay, chừa lại mầm ngủ buộc một lớp nilong mỏng và buộc từ trên xuống

**B.** Buộc lỏng lẽo để thoáng khí, buộc hết mầm ngủ qua một lớp nilon mỏng và buộc từ trên xuống

**C.** Buộc chặt, đều tay, trùm kín hết mầm ngủ qua một lớp nilong mỏng và buộc từ dưới lên

**D.** Buộc lỏng để thoáng khí, buộc chừa lại mầm ngủ qua một lớp nilong mỏng

**Câu 105. Các bước của quy trình thực hành ghép áp cành cải tiến là:**

**A.** 3 bước **B.** 4 bước **C.** 6 bước **D.** 5 bước

**Câu 106. Hãy sắp xếp đúng cách bước của quy trình thực hành ghép áp cành cải tiến:**

**1. Chẻ cành ghép 2. Đặt bầu và xử lý ngọn cây gốc ghép**

**3. Đặt gốc ghép vào cành ghép 4. Buộc dây**

**A.** 2→ 3→ 1→ 4 **B.** 1→ 2→ 3→ 4 **C.** 2→ 1→ 3→ 4 **D.** 3→ 1→ 2→ 4

**Câu 107. Phương pháp nhân giống nào sau đây mau cho ra hoa, kết trái:**

**A.** Giâm cành, chiết cành, ghép mắt và ghép cành **B.** Ghép mắt, ghép cành

**C.** Nhân giống bằng hạt **D.** Giâm cành, chiết cành

**Câu 108. Nhà nước chủ trương phát triển cây cam, quýt ở vùng:**

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng

**B.** Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh phía Bắc

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, và các tỉnh trung du miền núi phía Bắc

**D.** Đồng bằng sông Hồng và các tỉnh trung du miền núi

**Câu 109. Trong các giống Quýt thì Cam sành là giống lai giữa:**

**A.** Cam và bưởi **B.** Bưởi và quýt

**C.** Cam và quýt **D.** Chanh và quýt

**Câu 110. Thời điểm thu hoạch cam, quýt thích hợp khi … vỏ quả xuất hiện màu đỏ cam, màu da cam**

**A.** 1/3 – 1/4 **B.** Cả vỏ quả **C.** 1/2 **D.** 1/2 - 1/3

**Câu 111. *“Sâu trưởng thành là một loài bướm nhỏ đẻ trứng trên các chồi non. Sâu non sau khi nở đục qua lớp biểu bì lá và ăn phần thịt lá thành các đường ngoằn ngoèo màu trắng trên phiến lá, làm lá non quăn queo và rụng*”. Đó là đặc điểm và triệu chứng gây hại trên cam, quýt của:**

**A.** Sâu vẽ bùa **B.** Nhện hại **C.** Rệp muội **D.** Sâu đục cành

**Câu 112. *“Sâu trưởng thành là một loại xén tóc đẻ trứng vào các kẽ nứt trên thân, cành. Sâu non sau khi nở đục vào thân, cành thành đường hầm, trên vết đục có lớp phân mùn cưa đùn ra”.* Đó là đặc điểm và triệu chứng gây hại trên cam, quýt của:**

**A.** Sâu vẽ bùa **B.** Nhện hại **C.** Rệp muội **D.** Sâu đục cành

**Câu 113. *“Bệnh hại trên cành non, lá, quả. Vết bệnh sần sùi màu nâu vàng, xung quanh có viền vàng. Khi bị nặng lá úa vàng và rụng sớm. Quả ít nước, khô, dễ rụng,…” .* Đó là đặc điểm và triệu chứng gây hại trên cam, quýt của:**

**A.** Bệnh loét **B.** Bệnh chảy gôm **C.** Bệnh vân vàng lá **D.** Bệnh thán thư

**Câu 114. *“Bệnh được biểu hiện bởi những vết nứt dọc trên thân, cành. Tại vết nứt chảy ra những dòng nhựa đặc dẻo màu đục, … bệnh xuất hiện trên cành nhỏ làm héo vàng các lá phía trên và cành chết dần…”.* Đó là đặc điểm và triệu chứng gây hại trên cam, quýt của:**

**A.** Bệnh loét **B.** Bệnh chảy gôm **C.** Bệnh vân vàng lá **D.** Bệnh thán thư

**Câu 115. *“Lá có màu vàng, gân lá vẫn xanh, lá nhỏ lại và cứng, mọc chụm lại, quả bị vẹo, tép khô, nhạt. Khi bị nặng cây tàn lụi dần rồi chết”.* Đó là đặc điểm và triệu chứng gây hại trên cam, quýt của:**

**A.** Bệnh loét **B.** Bệnh chảy gôm **C.** Bệnh vân vàng lá **D.** Bệnh thán thư

**Câu 116. *“Đây là loài sống và chích hút nhựa trên lộc non, lá non làm cho chồi, lá biến dạng. Chúng tiết ra chất thải hấp dẫn kiến và muội đen phát triển che phủ mặt lá làm giảm quang hợp…”.* Đó là đặc điểm và triệu chứng gây hại trên cam, quýt của:**

**A.** Sâu vẽ bùa **B.** Sâu đục cành **C.** Nhện hại **D.** Rệp muội

**Câu 117. Bệnh nào nguy hiểm nhất đối với cam, quýt?**

**A.** Bệnh loét **B.** Bệnh chảy gôm **C.** Bệnh vân vàng lá **D.** Bệnh thán thư

**Câu 118. Trong kỹ thuật canh tác, độ pH trong đất thích hợp nhất cho cây xoài là:**

**A.** pH từ 2 – 4 **B.** pH từ 4 – 8 **C.** pH từ 5,5 – 7,5 **D.** pH từ 5,5 – 6

**Câu 119. Xoài là cây ăn quả thích hợp với loại đất trồng:**

**A.** Đất gò, đất xám bạc màu, đất phù sa

**B.** Đất gò, đất phù sa, đất feralit

**C.** Đất xám bạc màu, đất phù sa, đất feralit

**D.** Đất gò, đất cát, đất xám bạc màu, đất phù sa, đất feralit

**Câu 120. Cây xoài có khả năng chịu hạn nhờ các rễ hút tập trung phân bố:**

**A.** Gần gốc 0,5m, ở tầng đất 2m **B.** Cách gốc 2m, ở tầng đất 1,2m

**C.** Cách gốc 1m, ở tầng đất 3,5m **D.** Cách gốc 1m, ở tầng đất 3m

**Câu 121. Trong kỹ thuật trồng cây xoài, đối với vùng đất thấp có mép trên bầu cây so với mặt đất là:**

**A.** Thấp hơn mặt đất từ 0,5m – 0,6m **B.** Cao hơn mặt đất từ 5cm – 6cm

**C.** Cao hơn mặt đất từ 0,5m – 0,6m **D.** Bằng với mặt đất.

**Câu 122. Trong kỹ thuật trồng cây xoài, đối với thời vụ trong miền Nam:**

**A.** Trồng vào mùa hè có nhiều nắng **B.** Trồng vào đầu đông có nhiều ánh sáng

**C.** Trồng vào mùa xuân (tháng 2 – 3) **D.** Trồng vào đầu mùa mưa (tháng 4 – 5)

**Câu 123. Trong kỹ thuật trồng cây xoài, việc bón phân chuồng hoai mục và phân lân:**

**A.** Đào rãnh theo hình chiếu của tán, rộng từ 20 – 30cm, sâu 10cm

**B.** Rải đều trên các rãnh

**C.** Đào rãnh gần gốc cây, rộng từ 10 – 20cm, sâu 30cm

**D.** Rải đều trên mặt đất

**Câu 124. Cây xoài có tỷ lệ đậu quả sẽ thấp là do:**

**A.** Trong thời kỳ ra hoa có ánh sáng nhiều và nhiệt độ = 400C

**B.** Trong thời kỳ ra hoa gặp nhiệt độ 24 – 260C

**C.** Trong thời kỳ ra hoa gặp nhiệt độ thấp, mưa bão, độ ẩm không khí cao

**D.** Trongthời kỳ ra hoa gặp mưa nhẹ.

**Câu 125. Trong kỹ thuật trồng cây xoài, đối với vùng đất cao có mép trên bầu cây so với mặt đất là:**

**A.** Cao hơn mặt đất từ 0,5m – 0,6m **B.** Bằng với mặt đất

**C.** Cao hơn mặt đất từ 5cm – 6cm **D.** Thấp hơn mặt đất từ 0,5m – 0,6m

**Câu 126. “*Đây là một loại côn trùng chích hút nhựa ở các bộ phận non của cây. Loại này phá hoại chủ yếu ở mặt dưới lá*”. Đó là đặc điểm gây hại trên xoài của:**

**A.** Rầy chích hút **B.** Rệp sáp **C.** Ruồi đục quả **D.** Nhện

**Câu 127. “*Đây là loại côn trùng có miệng chích hút, đậu nhiều ở các chùm hoa, khi động vào chúng nhảy tung lên như đám bụi. Chúng tiết ra một loại dịch lên phiến lá, cuống hoa giúp cho một số loại nấm phát triển và tạo thành một lớp muội màu đen như bồ hóng…”.* Đó là đặc điểm gây hại trên xoài của:**

**A.** Rầy chích hút **B.** Rệp sáp **C.** Ruồi đục quả **D.** Nhện

**Câu 128. *“Con cái đẻ trứng dưới vỏ quả, sau 2 – 3 ngày trứng nở thành giòi. Giòi gặm thịt quả và tạo thành những đường hầm trong quả làm thịt quả bị thối rữa. Bổ quả ra thấy có nhiều giòi bên trong”.* Đó là đặc điểm gây hại trên xoài của:**

**A.** Rầy chích hút **B.** Rệp sáp **C.** Ruồi đục quả **D.** Nhện

**Câu 129. *“Bệnh phát triển mạnh vào thời kỳ ngày nắng, đêm lạnh, độ ẩm không khí cao. Khi bệnh xuất hiện, ta thấy các sợi nấm màu trắng mọc thành từng đám như bụi phấn…gây hiện tượng rụng hoa và quả non”*. Đó là đặc điểm gây hại trên xoài của:**

**A.** Bệnh sương mai **B.** Bệnh tổ rồng **C.** Bệnh nấm phấn trắng **D.** Bệnh thán thư

**Câu 130. *“Bệnh gây hại trên lá, hoa, quả. Trên lá, vết bệnh có màu nâu đỏ sau đó khô làm lá thủng…Trên quả, vết bệnh có đốm đen tròn, lõm xuống làm quả rụng.”* Đó là đặc điểm gây hại trên xoài của:**

**A.** Bệnh sương mai **B.** Bệnh tổ rồng

**C.** Bệnh nấm phấn trắng **D.** Bệnh thán thư